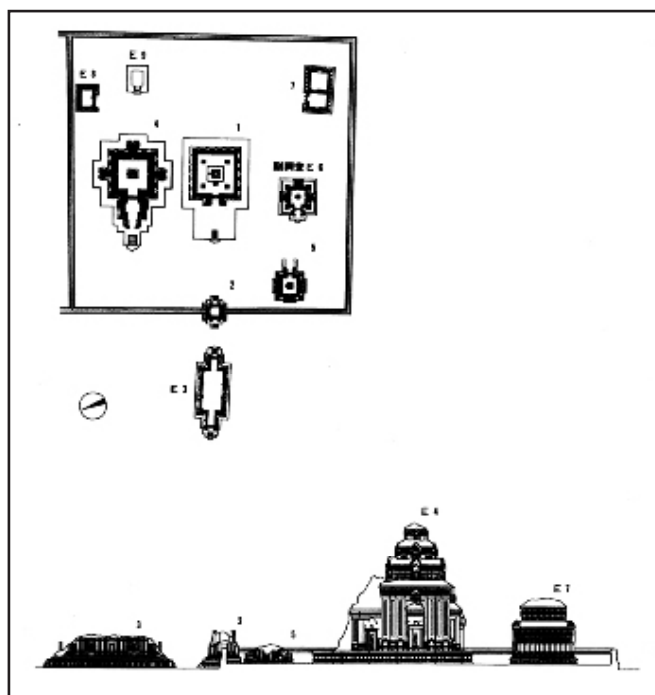


NGHIÊN CỨU VỀ NGÔI ĐỀN MỸ SƠN E1: NHỮNG LUẬN CHỨNG MỚI VỀ SỰ TÁI SỬ DỤNG CÁC BỘ PHẬN KIẾN TRÚC TRONG NGÔI ĐỀN ẤN ĐỘ GIÁO (HINDU) - TÌM HIỂU SỰ TIẾN TRIỂN CỦA KIẾN TRÚC ĐỀN - THÁP CHIÊM THÀNH TRONG GIAI ĐOẠN SỚM THUỘC THẾ KỶ THỨ 7 VÀ THỨ 8*

Trần Kỳ Phương**

Đền-tháp ở Mỹ Sơn được xây dựng liên tục qua những thời kỳ khác nhau trong suốt nhiều thế kỷ, từ thế kỷ thứ 4-5 cho đến thế kỷ thứ 13. Cũng như ở những di tích kiến trúc Chiêm Thành (Campà/Champa) khác, việc trùng tu và xây dựng mới những ngôi đền tại Mỹ Sơn đã được tiến hành đều đặn bởi các triều vua. Trong khi trùng tu các ngôi đền cũ, việc tái sử dụng những bộ phận kiến trúc của các thời kỳ trước đó đã được chiếu cố thường xuyên (Stern 1942: 5; Trần 1988: 22-3); ngoài những yếu tố kế thừa về phương diện kỹ thuật, việc mô phỏng những motif trang trí của các thời kỳ trước cũng rất được ưa chuộng.

Trong các nhóm đền-tháp của Mỹ Sơn, nhóm E được xem là nhóm tháp có những công trình kiến trúc sớm nhất, tuy vậy, hầu hết những ngôi đền của nhóm này đều đã được trùng tu qua nhiều thời kỳ khác nhau.



Minh họa số 1: Sơ đồ nhóm tháp Mỹ Sơn E
(Theo Henri Parmentier và Shige-eda Yutaka)

* Bài này đã được công bố bằng tiếng Pháp tựa đề “Recherche sur le temple de Mỹ Sơn E1: Nouvelles données sur le reemploi d’élément de décor architectural dans un temple hindou du Champa”, trong sách *Tresors d’art du Vietnam, la sculpture du Champa, V-XV siècles (Catalogue)*, Guimet Musée National des Arts Asiatiques, Paris, 2005, trang 132-39. Trong bài viết này, tác giả có bổ sung thêm một số luận cứ và giải thích mới.

** Thành phố Đà Nẵng.



Minh họa số 2: Cửa vào ngôi đền Mỹ Sơn E1 theo hiện trạng (Ảnh TKP).

Nhóm tháp E của thánh địa Mỹ Sơn nằm về phía đông bắc của khu di tích, trục chính của nhóm xoay về hướng tây. Nhóm này có tất cả chín kiến trúc, bao gồm các đền thờ *kalan* E1, E4, E5, E6, E7 và E9; tháp cổng *gopura* E2; tháp bày nghi lễ *mandapa* E3; tháp lửa/*kosagrha* E7; công trình phụ E8 (Parmentier 1909: 401-20; Shige-eda *et al.* 1994: 22-4; Tran *et al.* 1997: 82-4). (Minh họa số 1).

Khung niên đại chung của nhóm tháp E được xác định từ thế kỷ thứ 7-8 đến thế kỷ thứ 12-13 (Parmentier 1918: 17; Stern 1942: 46-8). Có năm minh văn đã được tìm thấy tại nhóm này, chúng cũng có niên đại từ thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ thứ 12 (Parmentier 1909: 119-20).

Trong nhóm E, *kalan* E1 thờ ngẫu tượng *Siva-linga* và *kalan* E4 thờ ngẫu tượng *Siva-nhân thể*, đó là hình thái thờ *Siva-lưỡng thể*, là một tín ngưỡng độc đáo của thánh địa Mỹ Sơn.⁽¹⁾

Trong nhóm E, ngôi đền Mỹ Sơn E1 có niên đại sớm nhất, và cũng là ngôi đền có cấu trúc khác biệt so với những ngôi đền khác cùng nhóm.

Theo nhận định của Henri Parmentier, Mỹ Sơn E1 là ngôi đền duy nhất còn giữ được những yếu tố kiến trúc đền-tháp sớm nhất của mỹ thuật Chiêm Thành được dựng bằng vật liệu hỗn hợp giữa gạch, ngói, gỗ và đá (Parmentier 1909: 401-02; 1948: 67- 8).

Đây là một ngôi đền rộng, bố cục hình vuông, có nền tháp cao, xoay về hướng tây. Nền tháp cao khoảng 140cm, có sáu bậc cấp dẫn lối vào đền; bậc cấp thứ nhất liên kết với một phiến đá lót bậc thêm hình vòng cung (moonstone); khoảng cách giữa bậc cấp và cửa chính là một không gian rất rộng, ít khi xuất hiện trong kiến trúc đền-tháp Chiêm Thành. Nội điện của ngôi đền là hình vuông, rộng 690cm x 630cm, đây là một trong những ngôi đền có không gian nội thất rộng nhất của kiến trúc Chăm; nền của nội điện hạ thấp xuống khoảng 100cm; ở bốn góc nội điện vẫn còn bốn đế cột hình

vuông bằng sa thạch cứng, màu vàng nhạt, kích thước cao 34cm, cạnh 73cm x 50cm, bốn đế cột bằng sa thạch này dùng để chống đỡ bốn cây cột gỗ vuông/tròn (Parmentier 1909: 401-02, pl. LXXXVIII); tường tháp xây bằng gạch, tường ngoài cao khoảng 250cm, tường trong cao khoảng 140cm, dày khoảng 150cm. Cho đến nay, vẫn chưa có một cuộc khai quật khảo cổ học quy mô được tiến hành tại ngôi đền mang nhiều yếu tố kiến trúc quan trọng này, vì thế, những hiểu biết về nó cũng còn rất hạn chế.

Tuy nhiên, trong so sánh với các cấu trúc bằng gỗ khác của kiến trúc đền-tháp Chiêm Thành, mà tiếng Chăm gọi là *bimong*,⁽²⁾ thì, chúng ta có thể hình dung được ngôi đền Mỹ Sơn E1 đã có một cấu trúc như sau: *ngôi đền hình vuông này là một kiến trúc mở, được dựng trên một nền gạch cao, có bờ tường thấp bằng gạch bao quanh, lối vào đền có hai trụ cửa tròn bằng sa thạch, được gắn vào một bộ khung cửa bằng gỗ cứng rất dày (!), trên cửa có một mi cửa (lintel) chạm trổ cũng bằng sa thạch; tháp được dựng bằng gỗ có bốn cột trụ lớn đặt ở bốn góc tháp, mái tháp lợp bằng ngói; trong nội điện không gian mở có bày một đài thờ lớn bằng sa thạch, trên đó có một bộ yoni-linga.*⁽³⁾

Ngôi đền Mỹ Sơn E1 được khai quật sơ bộ năm 1903 bởi Charles Carpeaux và Parmentier (Parmentier 1904: 869-74), các nhà khảo cổ học đã tìm thấy trong nội điện của ngôi đền một đài thờ lớn bằng sa thạch; sau đó, vào năm 1918, đài thờ này đã được khôi phục lại để trưng bày tại Musée Tourane (Bảo tàng Điêu khắc Chăm, Đà Nẵng ngày nay [ký hiệu: 22.4]).

Đài thờ Mỹ Sơn E1 được ghép lại bởi 16 khối đá nhưng đã bị mất hai khối. Đài thờ có kích thước khá lớn: rộng 270cm x 265cm, cao 65cm. Chất liệu bằng sa thạch, màu hơi vàng. Sự sắp đặt thứ tự của các khối đá như hiện tại đã được điều chỉnh bởi George Coedès vào năm 1930 dựa theo những con số bằng tiếng Sanskrit khắc trên từng khối đá (BEFEO 30: 525). Có một bộ *yonil-linga* bằng sa thạch, là một bộ phận rời, được dựng trên đài thờ này nhưng nay không thể xác định được nguyên bản, mặc dầu nó đã từng được phục dựng bởi Parmentier (Parmentier 1918: Pl. CXX). Đây là đài thờ sa thạch có kích thước lớn nhất của di tích Mỹ Sơn; và là một kiệt tác của nền điêu khắc Chiêm Thành.^(*)

* **Phụ chú:** Vào mùa hè năm 2008, đài thờ Mỹ Sơn E1 hiện trưng bày tại Bảo tàng Điêu khắc Chăm Đà Nẵng, đã được tháo gỡ ra từng khối một, gồm 14 khối để phục vụ việc trùng tu, bảo quản. Tác giả bài này đã đến nghiên cứu những khối được tháo rời của đài thờ vào giữa tháng 9 năm 2008.

Sau đây là vài nhận xét bổ sung cho công trình nghiên cứu này:

1. Tại mỗi khối góc của đài thờ đều được đục một lỗ mộng hình vuông có cạnh trung bình 24,5cm và chiều sâu trung bình 3,5cm; khoảng cách giữa mỗi lỗ mộng hình vuông và mỗi góc đài thờ trung bình 18cm.
2. Bốn lỗ mộng hình vuông tại bốn khối góc của đài thờ đã chứng minh rằng chúng được tạo ra để giữ vững bốn chân cột bằng gỗ mà bài nghiên cứu này đã nêu lên. Bốn lỗ mộng này đã góp phần khẳng định về công năng và hai giai đoạn sử dụng của đế tháp/đài thờ Mỹ Sơn E1.

Nội dung của đài thờ miêu tả cảnh sinh hoạt của các đạo sĩ khổ hạnh (*sadhu*) của Ấn Độ giáo, đó là những cảnh sinh hoạt thường ngày và các nghi thức tế tự được tổ chức tại thánh địa Mỹ Sơn đương thời (Trần 1988: 24-8). Những cảnh điêu khắc quanh đài thờ được bố cục trong từng ô vuông một, tách rời nhau, xen kẽ bởi những ô vuông trang trí các kiểu hoa văn đa dạng; đây cũng là kiểu bố cục đài thờ duy nhất đã xuất hiện trong nền điêu khắc Chiêm Thành. Nội dung của những cảnh này bao gồm các cảnh đạo sĩ đọc kinh, thổi sáo, đánh đàn, múa; hoặc trò chuyện cùng thú vật như: kết, khỉ/vượn, sóc, heo rừng, cọp v.v., là những con vật có nhiều trong các khu rừng rậm ở Mỹ Sơn; hoặc những cảnh trầm tư, tĩnh tọa, giảng đạo, chữa bệnh, xoa bóp, tế lễ v.v... Những cảnh này được chạm theo chiều ngược vòng kim đồng hồ, nghĩa là đi vòng theo hướng tây-nam, đông-bắc (vì ngôi đền xoay về hướng tây). Trong điều khắc Chàm, đây là đài thờ duy nhất miêu tả các cảnh sinh hoạt thường nhật của các ẩn sĩ (*sadhu*) Ấn Độ giáo. Chúng là những hoạt cảnh rất gần gũi với thiên nhiên của Mỹ Sơn, là một thung lũng được bao bọc bởi những rừng núi đá và các khu rừng rậm, trong đó có rất nhiều hang động tự nhiên và những dòng suối lớn, hiện nay vẫn còn có rất nhiều loại động vật sinh sống trong các khu rừng này.⁽⁴⁾

Môtíp của đường trang trí viền quanh trán đài thờ Mỹ Sơn E1 là một chủ đề tinh tế bao gồm loại hoa văn trong bố cục hình thoi xen lẫn giữa những đóa hoa bốn cánh; mô típ trang trí này phổ biến trên những *dharmacakra* (chuyển pháp luân) của nghệ thuật Môn-Dvaravati (Thái Lan) đương thời (Brown 1996: 138-58; Woodward 2003: 44-6). Loại mô típ này đã xuất hiện trên nhiều tác phẩm điêu khắc ở miền trung Thái Lan, Campuchia cũng như Chiêm Thành; do đó, chúng đưa đến giả thuyết về một mối quan hệ giữa ba nền nghệ thuật láng giềng này thông qua một sự giao thương bằng đường bộ từ phía đông lên phía tây, và ngược lại, trên bán đảo Đông Dương vào thế kỷ thứ 8 (Southworth 2001: 151-52; Trần 2006).⁽⁵⁾



Minh họa số 3: Ngôi đền Gedong Songo ở Java (Indonesia) (Ảnh Oyama Akiko)



Minh họa số 4: Ngôi đền Sambor Prei Kuk ở Campuchia (Ảnh TKP)

Điểm đặc biệt đáng lưu ý, đây là đài thờ duy nhất của nền điêu khắc Chăm thể hiện chi tiết những đặc điểm kiến trúc của một ngôi đền Hindu như: bậc cấp (stairway), thành bậc (stepstone), đá lót bậc thềm (moonstone), vòm cuốn (arch), trụ cửa (pillar), cửa giả (false door), v.v...⁽⁶⁾ Hai vòm cuốn (*torana*) chạm ở mặt trước đài thờ được thể hiện theo một kiểu thức riêng biệt, đó là một vòm cuốn có hai đầu uốn cong lên lật ra phía ngoài, trên đó thể hiện một mô típ *makara*-hươu/sơn dương; về phía trong, thể hiện hai đầu rắn/chim (?). Loại mô típ này chỉ xuất hiện một lần duy nhất trong điêu khắc Chăm.

Bậc cấp của đài thờ thể hiện ba người múa, hai tay của họ nâng một dải lụa/vải dài, đây là một điệu múa phổ biến đương thời tại Mỹ Sơn. Điệu múa với tư thế hai chân xoải rộng, hai tay nâng dải lụa như vậy còn xuất hiện trên một phần đài thờ (?) bằng đá tìm thấy tại nhóm tháp Mỹ Sơn A (hiện trưng bày tại tháp Mỹ Sơn D1); và một bức khắc được chạm trên đế tháp bằng gạch của ngôi đền Mỹ Sơn F1. Trong điêu khắc Chăm, điệu múa này chỉ xuất hiện trong thời kỳ sớm, khoảng từ đầu thế kỷ thứ 8 cho đến đầu thế kỷ thứ 9, từ cuối thế kỷ thứ 9 trở về sau thì không còn thấy xuất hiện nữa.⁽⁷⁾

Về hình tượng của các nhân vật được thể hiện trên mặt trước của đài thờ, đặc biệt, hình người chơi thụ cầm (*harp*) với tư thế ngồi có hai bàn chân lật ngửa ra theo một kiểu thức rất đặc biệt, tư thế ngồi này cũng chỉ xuất hiện trên đài thờ Mỹ Sơn E1 (Trần 1985: 228-29). Từ tư thế ngồi cho đến y phục của các nhân vật được thể hiện trên đài thờ Mỹ Sơn E1 đã chỉ ra một mối quan hệ rất gần gũi với những hình người trên các tác phẩm Môn-Dvaravati đương thời, mà, có thể đặc biệt được so sánh với bức phù điêu trong bố cục vương quốc có chủ đề “*Bài thuyết pháp đầu tiên của Đức Phật*” tìm thấy tại Nakon Pathom, Thái Lan, cả về hình người, y phục, tư thế ngồi cũng như họa tiết trang trí. Sự tương đồng về kiểu thức trang trí giữa hai tác phẩm này gợi lên những suy nghĩ về một mối quan hệ mật thiết giữa hai vương quốc ở phía đông và tây bán đảo Đông Dương qua một hệ thống buôn bán, trao đổi sản vật từ miền xuôi lên miền ngược dựa vào những dòng sông chính ở miền Trung Việt Nam theo mô hình “hệ thống trao đổi ven sông” (*riverine exchange network*), mà theo đó, rất phù hợp với những đặc điểm về địa dư của vương quốc Chiêm Thành đương thời.⁽⁸⁾

Bàn về niên đại của đài thờ Mỹ Sơn E1 đã có những nhận định như sau:

1. Trong tác phẩm của Philippe Stern, mặc dầu ông không đề xuất một niên đại chính xác cho đài thờ này nhưng ông đã xếp nó vào một trong những tác phẩm sớm nhất của nghệ thuật Chăm; và, cũng nhờ dựa vào những đặc điểm kiến trúc của một ngôi đền Hindu được thể hiện trên đài thờ này, Stern đã định hình *Phong cách cổ* của nền nghệ thuật Chăm, mà các tác giả về sau đã gọi là *Phong cách Mỹ Sơn E1* (Stern 1942: 4, 13-4; Boisselier 1963: 33-60).

Trước Stern, Parmentier đã bàn về niên đại của ngôi đền Mỹ Sơn E1 khi so sánh lối kiến trúc đơn sơ của ngôi đền này với niên đại sớm nhất của một minh văn tìm thấy tại nhóm E thuộc triều vua Prakasadharmā, khoảng

năm 657; còn niên đại của đài thờ thì như ông từng nhận định nó thuộc về một giai đoạn muộn hơn so với ngôi đền, khoảng năm 657-781 (Parmentier 1918: 6, 17-8; Stern 1942: 13-4).⁽⁹⁾ Gần đây, mặc dầu không cung cấp một niên đại mới cho những tác phẩm thuộc ngôi đền Mỹ Sơn E1, nhưng dựa vào những phân tích về mặt kỹ thuật kiến trúc, Chihara Daigoro đã thừa nhận Mỹ Sơn E1 thuộc thế kỷ thứ 8 (Chihara 1996: 187-88).

2. Trong những tác phẩm cơ bản của mình về nghệ thuật điêu khắc Chăm, sau khi so sánh đài thờ và mi cửa Mỹ Sơn E1 với các tác phẩm điêu khắc Khmer đương thời, một nền nghệ thuật láng giềng của Chiêm Thành, Jean Boisselier đã đề xuất một niên đại cho đài thờ Mỹ Sơn E1, dựa vào minh văn của Prakasadharmā, tìm thấy tại tháp E6, có niên đại khoảng năm 687 (Boisselier 1956: 212; 1963: 42; 1997: 62-4).⁽¹⁰⁾

3. Trong những nghiên cứu trước đây cũng như gần đây, dựa trên tiến trình của nghệ thuật Chăm khi so sánh sự gần gũi của bố cục cũng như kiểu thức trang trí giữa đài thờ E1 với các tác phẩm điêu khắc tại Mỹ Sơn, mà đặc biệt, là với ba đài thờ duy nhất được điêu khắc hình tượng các nhân vật ẩn sĩ Ấn Độ giáo của di tích này là đài thờ A1 và A10, cũng như với các đế cột vuông bằng đá chạm hình người ở ba mặt (hiện trưng bày tại chân tường phía bắc tháp Mỹ Sơn D1), chúng tôi đã đề xuất cho đài thờ Mỹ Sơn E1 niên đại vào khoảng đầu thế kỷ thứ 8 (Trần 1988: 23-8; Tran 2008: 61-3). Trong những công trình đồng nghiên cứu về kiến trúc Chăm với Shige-eda Yutaka, chúng tôi đã so sánh cấu trúc của ngôi đền Mỹ Sơn E1 với ngôi đền C7, là một công trình nhỏ xây dựng hoàn toàn bằng gạch sử dụng kỹ thuật vòm-giật-cáp (*corbel*) thuộc thời kỳ sớm nhất của di tích Mỹ Sơn, vào thế kỷ thứ 8, vì vậy, chúng tôi cũng đã đề xuất khung niên đại đầu thế kỷ thứ 8 cho đài thờ Mỹ Sơn E1 (Shige-eda *et al.* 1994: 97-100; Tran *et al.* 1997: 79-84).

4. Gần đây, sau khi phân tích và so sánh với các tác phẩm thuộc hai nền nghệ thuật lân cận là Chiêm Thành và Khmer, William Southworth cũng đã đề xuất một niên đại cho đài thờ Mỹ Sơn E1 là vào khoảng đầu thế kỷ thứ 8 (Southworth 2001: 151-52; 2004: 224-25).

Những tác phẩm điêu khắc nổi bật thuộc về ngôi đền Mỹ Sơn E1, ngoài đài thờ ra, còn có một mi cửa/trán cửa (*fronton-linteau*) và hai cột cửa tròn.

- **Mi cửa/Trán cửa (*fronton-linteau*) Mỹ Sơn E1** [ký hiệu 17.8, cao: 114cm, dài: 218cm, chất liệu sa thạch mịn, hơi cứng]. (Minh họa số 5).

Nội dung của mi cửa thể hiện hình tượng Visnu Anatasayin, một nội dung chỉ được phổ biến vào thời kỳ đầu của nền điêu khắc Chăm.⁽¹¹⁾ Trước đây, Boisselier đã từng nghiên cứu về tác phẩm này, so sánh nội dung của nó với những mi cửa thuộc nghệ thuật thời Tiên-Angkor như của Tuol Baset và nhận định rằng mi cửa Mỹ Sơn E1 đã chịu ảnh hưởng của mi cửa thời Tiên-Angkor và định niên đại cho tác phẩm này là vào khoảng cuối thế kỷ thứ 7 khi liên kết nó với những bi ký của vua Prakasadharmā tìm thấy tại nhóm E, trong đó có một bi ký mang niên đại 687; ông cũng so sánh mi cửa Mỹ Sơn E1 trong

bối cảnh của khung niên đại cuối thế kỷ thứ 7 của phong cách Prei Kmeng là phong cách được quy định cho những tác phẩm của Tuol Baset mà chúng tôi đã đề cập trên đây (Boisselier 1956: 212; 1963: 42).



Minh họa số 5: Mi cửa/fronton Mỹ Sơn E1 (Bảo tàng Điêu khắc Chăm-Đà Nẵng)

Nhưng, nếu phân tích trong từng chi tiết thì ta có thể thấy rằng luận cứ của Boisselier không có tính thuyết phục cao, vì, có một sự khác biệt rất lớn giữa hai tác phẩm này, chẳng hạn: Visnu của mi cửa Mỹ Sơn E1 chỉ có hai tay trong khi Visnu của Tuol Baset có bốn tay; những nhân vật hộ vệ cũng khác nhau vì hai nhân vật hộ vệ của mi cửa Mỹ Sơn E1 là hai chim thần Garuda đầu người chân chim, trong khi, của Tuol Baset là hai nhân thể/thiên thần; hình tượng của hai vị thần Brahma cũng khác, Brahma của mi cửa Mỹ Sơn E1 được chạm vượt hẳn lên khỏi bộ sen giữ vai trò trung tâm của bức chạm, trong khi đó, hình tượng Brahma của Tuol Baset bị thu nhỏ lại và lẫn vào các họa tiết trang trí; hoa văn trang trí lại càng khác xa về kiểu thức cũng như bố cục: mi cửa Mỹ Sơn E1 thì thoáng đãng, còn mi cửa Tuol Baset thì rườm rà chi tiết (Soubert 2003).⁽¹²⁾

Mi cửa Mỹ Sơn E1 được trang trí với những đặc điểm điêu khắc như dải hoa văn phía dưới đáy là những hình đan chéo chứ không phải trong bố cục hình thoi như của đài thờ; tòa sen của Brahma có những cánh sen khác với các cánh sen trang trí ở chân đài thờ; hai đóa hoa điểm hai bên tòa sen cũng có hình dáng khác với các đóa hoa trang trí trên đài thờ; cũng vậy, hình tượng Visnu với y phục là loại *sampot* dài ngang đầu gối, có vạt nhọn và hai dải thắt lưng buông vòng xuống, là những đặc điểm của loại y phục thuộc một niên đại muộn hơn, có thể, thuộc về cuối thế kỷ thứ 8; đặc biệt, hình tượng của hai Garuda có mặt người, hoa tai hình tròn đẹp, bụng to phệ, chân chim, hai tay cầm hai con rắn; những đặc điểm đó có thể so sánh với những Garuda xuất hiện trong nghệ thuật Môn-Dvaravati (Boisselier 1969: fig. 56; Trần 1985: 228-29); hoặc gần gũi hơn với những lanh tô (*lintel*) có hình Garuda của nghệ thuật Khmer thời Tiền-Angkor (Bénisti 1974: 149, fig. 17, 18, 19; Le Bonheur 1994: 260).⁽¹³⁾

- Trụ cửa Mỹ Sơn E1

Hai trụ cửa [*in situ*], cao: 167cm-200cm, $\varnothing$: 25cm. (Minh họa số 2). Chất liệu sa thạch cứng.

Đầu trụ được trang trí những vòng hoa hình bán nguyệt/vòng cung trong một kiểu thức khác hẳn với hoa văn của các trụ cửa chạm trên thành bậc của đài thờ. Trụ cửa của đài thờ chạm ở thành bậc phía nam có hình vòng cung chứ không phải hình tròn, còn những trụ cửa khác chạm ở thành bậc phía bắc và ở ba cạnh của đài thờ thì có hình vuông, đầu trụ chạm trở cánh sen hai lớp.⁽¹⁴⁾ Những vòng hoa điểm xuyết trên đầu trụ cửa được trang trí kết hợp với một đóa hoa nhỏ có bốn cánh nằm xen kẽ nhau. Loại đóa hoa này tương tự với hai đóa hoa trang điểm hai bên thân Brahma của tấm mi cửa đã khảo tả ở trên (cùng một kiểu thức nhưng bố cục đảo ngược lại). Đây là một luận cứ có tính thuyết phục để biết rằng tấm mi cửa và hai trụ cửa tròn của ngôi đền Mỹ Sơn E1 được chế tác cùng thời. Những trụ cửa tròn với họa tiết trang trí vòng hoa hình bán nguyệt và những đóa hoa xen kẽ như vậy rất phổ biến trên những trụ cửa tròn của nghệ thuật Khmer thời Tiên-Angkor, có niên đại khoảng thế kỷ thứ 8 (Bénisti 1969: 106, fig. 19 & 20). Một điểm đáng lưu ý, đây là hai trụ cửa tròn bằng sa thạch duy nhất đã xuất hiện tại Mỹ Sơn cũng như trong toàn bộ nền kiến trúc đền-tháp Chiêm Thành.

Từ những khảo tả và so sánh trên để có thể thấy rõ một sự khác biệt rất lớn của kiểu thức, bố cục cũng như chủ đề trang trí giữa đài thờ và mi cửa cũng như hai trụ cửa của ngôi đền Mỹ Sơn E1. Chính sự khác biệt đó là những chứng cứ để dẫn đến kết luận rằng: *đài thờ là tác phẩm được chế tác vào giai đoạn trước còn mi cửa và hai trụ cửa thì được chế tác cùng thời vào một giai đoạn sau.*

Do đó, chúng cũng đưa đến nhận xét rằng, sự tương tự giữa các họa tiết trang trí của mi cửa và hai trụ cửa đối với đài thờ, đã bộc lộ một sự mô phỏng hoa văn trực tiếp từ đài thờ. Sự mô phỏng các chủ đề trang trí giữa các tác phẩm thuộc các thời kỳ khác nhau trong cùng một di chỉ là một hiện tượng phổ biến của nền điêu khắc Chiêm Thành trong suốt tiến trình nghệ thuật của nó.

Cũng như hầu hết các kiến trúc đền-tháp Hindu ở Đông Nam Á vào giai đoạn sớm, chất liệu đá được sử dụng rất hạn chế, có thể vì kỹ thuật xây dựng một ngôi đền kết hợp giữa gạch và đá chưa được phổ biến trong vùng vào thời kỳ này, nên những ngôi đền Hindu đương thời thường có cấu trúc rất đơn giản, chúng được xây dựng với nền móng bằng gạch, cột gỗ và mái che bằng ngói. Những đền-tháp có cấu trúc đơn giản như vậy đã được phát hiện ở hầu hết các di tích có niên đại sớm trong vùng Đông Nam Á, chẳng hạn thung lũng Bujang (Kedah, Malaysia), Beikthano (Miến Điện), Sambor Prei Kuk (Campuchia), Muong Si Mahasot (Thái Lan), Óc Eo, Cát Tiên (Việt Nam) (Dumarcay 2003: 9-18). Những ngôi đền ở Mỹ Sơn trong thời kỳ sớm cũng là

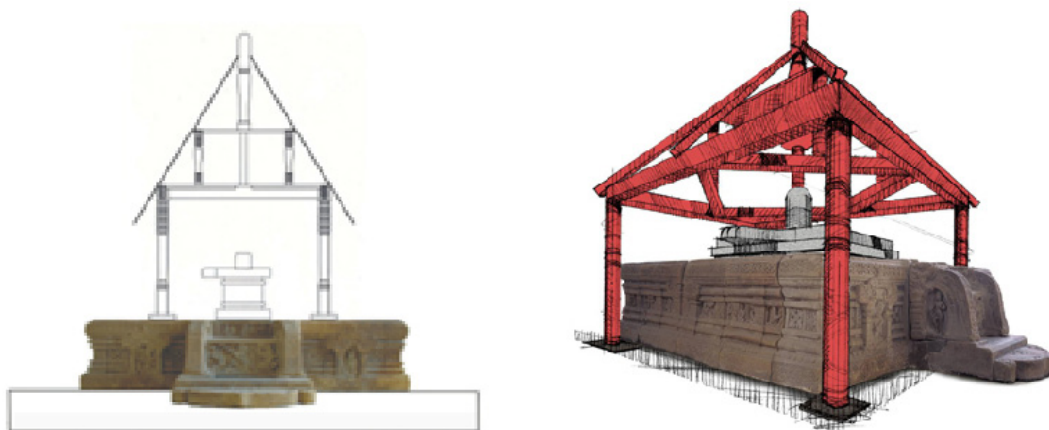
những kiến trúc đơn giản, bằng gỗ mà văn bia của đức vua Bhadravarman vào khoảng cuối thế kỷ thứ 4 hoặc đầu thế kỷ thứ 5 đã từng nhắc đến.⁽¹⁵⁾

Trong bối cảnh đó, khi so sánh với những ngôi đền Hindu khác đã xuất hiện ở Đông Nam Á đương thời, thì ngôi đền/*kalan* Mỹ Sơn E1 là ngôi đền duy nhất có một đài thờ điêu khắc/*vedi* mang những đặc điểm khác thường khi nó được chạm trổ bằng những yếu tố kiến trúc của một ngôi đền Hindu chẳng hạn: bậc thêm, bậc cấp, vòm cuốn, cửa giả, v.v.. *Điều này đã gợi lên suy nghĩ về một loại hình kiến trúc, trong đó, để tháp được làm bằng sa thạch còn thân và mái tháp bằng gỗ và ngói.*⁽¹⁶⁾ (Minh họa số 6)

Cũng dựa vào sự so sánh những khác biệt cơ bản về bố cục và đề tài trang trí giữa đài thờ và mi cửa cũng như hai trụ cửa của ngôi đền Mỹ Sơn E1, mà như chúng tôi đã chứng minh ở trên rằng, những tác phẩm điêu khắc thuộc ngôi đền này phải được chế tác vào hai thời điểm khác nhau; để từ đó, chúng tôi có thể nêu lên những luận chứng về tiến trình xây dựng của ngôi đền Mỹ Sơn E1 qua hai giai đoạn như sau:

1. Giai đoạn 1: Thuở ban đầu, đài thờ Mỹ Sơn E1 chính là một đế tháp bằng sa thạch để dựng một ngôi đền bằng gỗ có kích thước nhỏ, ngôi đền này có bốn cột trụ gỗ đỡ lấy một bộ mái bằng ngói/gỗ.⁽¹⁷⁾ Đây là một ngôi đền mà nội điện của nó là một không gian mở để bày một bàn thờ *yonilinga* gắn trực tiếp vào đế tháp.

2. Giai đoạn 2: Về sau, ngôi đền này được nối rộng, trong lúc trùng tu



Minh họa số 6: Khôi phục ngôi đền Mỹ Sơn E1 vào giai đoạn nguyên thủy (Theo TKP)

Khôi phục ngôi đền mở Mỹ Sơn E1 vào giai đoạn sau (Theo bản vẽ của công ty Kumagai, hiện trưng bày tại Nhà Trưng bày Di tích Mỹ Sơn)

ngôi đền, nền tháp được nâng cao lên, một bức tường thấp bằng gạch, cao khoảng 250cm, được xây thêm vào để bao bọc lấy chánh điện; các bộ phận kiến trúc bằng sa thạch khác như đá lót bậc thêm, bậc cấp, mi cửa, hai trụ cửa tròn và bốn đế cột vuông dựng ở bốn góc nội điện... để đỡ lấy một bộ khung gỗ mới có kích thước rộng hơn, cũng đã được bổ sung trong lúc trùng tu này.⁽¹⁸⁾ Sau khi trùng tu, đế tháp bằng sa thạch của ngôi đền Mỹ Sơn E1

nguyên thủy đã được sử dụng lại như một đài thờ cũng để dựng một bộ *yoni-linga* tại nội điện mở của ngôi đền này. (Minh họa số 7).

Kết luận

Nghiên cứu những tác phẩm điêu khắc thuộc ngôi đền Mỹ Sơn E1 và đưa ra những luận chứng về hai giai đoạn xây dựng của ngôi đền này, chúng tôi mong rằng sẽ cung cấp những nhận thức mới về tiến trình xây dựng đền-tháp Chiêm Thành. Nghiên cứu này góp phần tiếp cận với những kiến trúc đền-tháp vào thời kỳ đầu, khoảng thế kỷ thứ 7 và thứ 8, trong giai đoạn kỹ thuật xây dựng còn đơn sơ chưa thực hiện được những ngôi đền gạch xây bằng kỹ thuật vòm-giật-cáp (*corbel*) (Trần: 2008 55-63).

Nghiên cứu này cũng đã chứng minh được rằng, việc trùng tu và tái tạo những kiến trúc tôn giáo là việc xảy ra thường xuyên trong nghệ thuật Chiêm Thành, cho nên, để xác định được công năng của từng bộ phận kiến trúc/điêu khắc trong một ngôi đền quả là một công việc phức tạp, vì trong nhiều trường hợp chúng đã được tái sử dụng vào mục đích khác cho các công trình được trùng tu hoặc xây dựng lại về sau.

Sự tái sử dụng những tác phẩm điêu khắc của một ngôi đền được xây dựng vào thời trước, đã được minh chứng trong công trình này, qua việc tìm hiểu cách sử dụng công năng của đế tháp Mỹ Sơn E1, đài thờ Mỹ Sơn E1 của ngôi đền Mỹ Sơn E1; và từ đó, cũng bộc lộ sự khó khăn trong vấn đề nghiên cứu kiến trúc đền-tháp tại Mỹ Sơn cũng như tại những di tích khác của mỹ thuật Chiêm Thành.^(*)

T K P

CHÚ THÍCH

- (1) Tại Mỹ Sơn, ngoài nhóm E còn có hai nhóm khác cũng thể hiện sự thờ phượng song song hai ngẫu tượng/tín ngưỡng kép của đạo Saivaite: *một hình tượng linga của Siva và một ngẫu tượng Siva bằng nhân thể được gọi là tục thờ Siva-lưỡng thể*; có thể so sánh phức hệ E1 và E4 với hai phức hệ khác, đó là kalan B1 thờ *Siva-linga* và C1 thờ *Siva-nhân thể*; hay kalan A'1 thờ *Siva-linga* và A'4 thờ *Siva-nhân thể* (Trần *et al.* 2006: 50-61).
- (2) Người Chăm Bà La Môn hiện nay sinh sống trong hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận gọi những kiến trúc bằng gỗ dùng để thờ tự là *bimong/bamung* (Nakamura 1999: 85). Loại kiến trúc đền thờ bằng gỗ này cũng đã được Parmentier tìm thấy tại di tích Po Nagar Nha Trang (Parmentier 1909: 126); ông cũng đã sưu tầm được nhiều kiểu thức cấu trúc bộ mái khác nhau của các đền thờ bằng gỗ trong kiến trúc Chiêm Thành (Parmentier 1918: 200-03, Fig. 34).
- (3) Về cấu trúc của bộ khung gỗ che bàn thờ trong nội điện của ngôi đền Hindu Chiêm Thành, có thể tham khảo bộ khung gỗ hiện còn sử dụng tại ngôi đền Pô Kloong Garai và Po Rame, được xây khoảng thế kỷ thứ 13-14 và thế kỷ thứ 17-18; mặc dầu hai bộ khung gỗ của hai ngôi đền này có thể đã được tu bổ nhiều lần về sau, nhưng nó vẫn giữ được

* Tác giả xin ngỏ lời cảm tạ các tổ chức Toyota Foundation, Quỹ SEASREP, Viện ARI thuộc Đại học Quốc gia Singapore, các giáo sư Trường Đại học Nihon (Nhật Bản) đã tài trợ, trao đổi ý kiến và tạo mọi điều kiện thuận lợi giúp tác giả hoàn thành các công trình nghiên cứu về nghệ thuật Chăm. TKP.

những đặc điểm của một cấu trúc cổ truyền. Hiện nay, tại Nhà Trưng bày Mỹ Sơn, tọa lạc tại Khe Thê, có trưng bày một ngôi đền gỗ, được phục dựng bởi người Chăm ở Ninh Thuận vào tháng 2 năm 2005, dựa theo kiểu thức của ngôi đền gỗ của tháp Pô Kloong Garai. Người Chăm gọi loại kiến trúc này là *janùk* (Trần *et al.* 2005: 18).

- (4) Theo lời kể của cụ Nguyễn Xuân Đồng (1907-1986) lúc sinh thời, là người phụ trách công việc trùng tu tại Mỹ Sơn được tổ chức bởi Trường Viễn Đông Bác Cổ vào những năm 1937-1942, đã có lần một công nhân địa phương bị cộp vô tha đi trong lúc đang ngủ vào ban đêm. Nhưng từ khi xảy ra chiến tranh, từ 1964-1975, cho đến nay thì, không còn thấy vết tích của cộp xuất hiện tại vùng này; các loại thú khác như heo rừng, khỉ, hươu, nai, chồn, cáo... và các loài chim hiện nay vẫn sinh sống rất nhiều trong vùng rừng núi của Mỹ Sơn.
- (5) Tại di tích Sambor Prei Kuk, mà chúng tôi có dịp khảo sát vào tháng 1 và tháng 12 năm 2005, chúng tôi nhận thấy loại mô típ này được trang trí rất phổ biến trên hầu hết các lanh tô (*lintel*) của các cửa giả của những ngôi tháp gạch. Bố cục một hình thoi kèm với một đóa hoa bốn/sáu cánh nối liền nhau tạo thành những đường diềm (*frise*) đôi khi đã trở thành mô típ chủ đạo được trang trí trên các đài thờ bằng sa thạch và các cửa giả của các ngôi tháp gạch thuộc di tích Sambor Prei Kuk. Một nghiên cứu trong tương lai về mối quan hệ nghệ thuật có thể có giữa Mỹ Sơn và Sambor Prei Kuk trong giai đoạn sớm, khoảng thế kỷ thứ 7-8, chắc chắn sẽ đem ra ánh sáng nhiều điều lý thú. Mô típ này cũng rất phổ biến trên những tác phẩm của nghệ thuật Dvaravati trong nhiều thế kỷ, nhưng ngược lại, chúng chỉ xuất hiện một lần duy nhất trên đài thờ Mỹ Sơn E1 của nghệ thuật Chiêm Thành.
- (6) Mặc dầu chưa thể đi đến một kết luận, nhưng chúng tôi muốn đưa ra những nhận xét về sự giống nhau của hai mô típ trang trí, một của đài thờ Mỹ Sơn E1 và một của ngôi đền Gedong Songo I ở Central Java (Indonesia). Đó là đóa hoa trang trí trong một bố cục vuông mà nó chỉ xuất hiện một lần duy nhất trong nghệ thuật Chăm trên đài thờ Mỹ Sơn E1; ngoài ra, hình tượng của đầu sư tử ngậm một dải hoa văn được chạm trên hai thành bậc của đài thờ Mỹ Sơn E1 cũng xuất hiện trên hai thành bậc cửa vào của ngôi đền Gedong Songo I, lưu ý rằng hình tượng trang trí trên bậc cấp như vậy cũng chỉ xuất hiện một lần duy nhất trong điêu khắc Chăm. Đồng thời sự giống nhau giữa bố cục của đế tháp bằng đá của ngôi đền Gedong Songo I và đài thờ Mỹ Sơn E1 cũng là điều đáng quan tâm vì nó gợi ý về một loại hình kiến trúc đơn giản, có nguyên gốc từ Ấn Độ, đã được phổ biến rộng rãi tại các nền nghệ thuật Đông Nam Á vào một thời điểm nhất định trong giai đoạn nghệ thuật sớm (Minh họa số 3). Nhận xét trên được đưa ra dựa trên khảo sát của tác giả khi đến nghiên cứu di tích Gedong Songo tại Java vào tháng 12 năm 2003. Mối quan hệ giữa nghệ thuật Chăm và nghệ thuật Java cũng từng được nhiều tác giả quan tâm (Southworth 2004: 224).
- (7) Trên đài thờ Phật giáo Đồng Dương niên đại khoảng cuối thế kỷ 9 (875) [ký hiệu: 22.24a] cũng có điệu múa này, nhưng người múa trong tư thế đứng, chân trái co lên (chứ không phải trong tư thế xoắn chân), hai tay nâng một dải lụa dài (AFAO-EFEO 1997: 114, cat. 45 góc trên bên trái).
- (8) Về niên đại của tác phẩm “*Buổi thuyết pháp đầu tiên...*” của Nakon Pathom (Thái Lan), sau khi so sánh nó với những tư liệu lịch sử có liên quan đến sự giao thương giữa Trung Hoa, Ấn Độ và các quốc gia khác ở Đông Nam Á cũng như những tiếp xúc giữa các nền nghệ thuật bản địa trong vùng, Hiram Woodward đã đề xuất cho tác phẩm này một niên đại vào khoảng năm 700 CE (Woodward 2003: 71- 4, pl. 12). Đây cũng là một niên đại đáng tham khảo để có thể quy định chung cho các tác phẩm điêu khắc thuộc ngôi đền Mỹ Sơn E1, một thời hưng thịnh của nghệ thuật Chăm được đặt trong mối quan hệ thương mại từ phú với thời Thịnh Đường của Trung Hoa [616-906] qua một cảng thị quan trọng của Chiêm Thành tọa lạc ở hạ lưu sông Thu Bồn, tỉnh Quảng Nam trong khu vực Hội An hiện nay (Trần 2004b: 41-61; Trần *et al.* 2003:105- 10; Southworth 2004: 224 -26).

- (9) Để tham khảo thêm về niên đại của đài thờ Mỹ Sơn E1, có một bi ký rất đáng được đưa ra để nghiên cứu đối sánh về niên đại của đài thờ/ đế tháp Mỹ Sơn E1, đó là một minh văn thuộc triều vua Vikrantavarman, tìm thấy tại nhóm tháp A, có niên đại 653 S'aka/731CE; nội dung của nó đề cập đến việc đức vua Prakasadharma muốn dựng một *vedi* bằng đá thay cho *vedi* bằng gạch của vua Sambhuvarman tại Mỹ Sơn (Majumdar 1985: III, no. 21, 38-41). *Vedi* là một đài thờ, một đế tháp, một nền tháp (Acharya 1995: 564-68). Đây là văn bia duy nhất của Mỹ Sơn đề cập đến việc dựng *vedi* tại thánh địa này. (Có thể xem thêm lý giải về cái *vedi* này trong chuyên khảo của Maxwell về thuật ngữ Sanskrit trong kiến trúc đền thờ của Champa và Khmer; Maxwell 2003: 438-39). Niên đại của minh văn này phù hợp với các đài thờ có niên đại sớm tại Mỹ Sơn, trong đó có thể kể đến đài thờ/đế tháp Mỹ Sơn E1. Trong nhóm tháp A hiện nay có hai đài thờ: một thuộc ngôi đền A1; một thuộc ngôi đền A10. Cả hai đài thờ này đều có kích thước nhỏ hơn đài thờ E1. Đài thờ A1 có kích thước: 267cm x 260cm x 40cm; đài thờ A10 có kích thước: 262cm x 262cm x 44cm. Nội dung của hai đài thờ A1 và A10 được thể hiện giống hệt nhau: ở chính giữa đài thờ là hình tượng của một vị đạo sư có râu cằm nhọn, bụng to phệ, tay cầm chuỗi hạt ngồi trên một cái ngai thấp (có thể đây là hình tượng của Mahaguru?!); chung quanh là hình tượng những vị đạo sư khác trong tư thế đứng chấp tay, y phục là khố và *sampot*. So sánh hình người, y phục và đặc biệt là hoa văn trang trí của hai đài thờ A1 và A10, có thể dễ dàng nhận ra sự gần gũi về niên đại của chúng. Đài thờ A10 dễ nhận biết nhờ kiểu hoa văn đặc thù của phong cách Đồng Dương, cuối thế kỷ thứ 9, khoảng năm 875 (Boisselier 1963: 153-54, Fig. 80); và như vậy, đài thờ A1 chỉ được chế tác trước đó trong một giai đoạn ngắn mà thôi, có thể vào khoảng đầu thế kỷ thứ 9. Trong bối cảnh này, đài thờ/*vedi* mà có niên đại gần gũi nhất với nội dung của minh văn Vikrantavarman, năm 731, có thể được nêu lên để tham khảo, chính là đài thờ/ đế tháp Mỹ Sơn E1. Tuy nhiên cũng nên lưu ý rằng, vị trí của hai nhóm tháp A và E kế cận nhau, nên không loại trừ sự chuyển dịch của những bi ký từ nhóm này sang nhóm khác. Về lại, từ phong cách Đồng Dương, khoảng cuối thế kỷ thứ 9 trở về trước, các nhóm tháp của Mỹ Sơn không có tường bao bọc và cách biệt thành từng phức hợp như hiện nay; tường bao và phức hợp đền-tháp chỉ xuất hiện từ sau phong cách Đồng Dương, tức khoảng từ đầu thế kỷ thứ 10 trở về sau (Tran *et al.* 1997: 70-89; Shige-eda 2001: 100-07; Trần *et al.* 2005: 22). Như vậy, vào các thế kỷ thứ 7-8, đền-tháp nằm ở phía đông khu di tích mở trục về hướng tây, nay thuộc các nhóm A, E, F, chỉ là một tổng thể thống nhất. Cho nên, sự liên đới giữa các bi ký và các công trình xây dựng của những nhóm tháp này, A và E, trong thế kỷ 7-8, cũng là một khả năng.
- (10) Để thảo luận thêm về mối quan hệ giữa đài thờ Mỹ Sơn E1 với văn bia của Prakasadharma, trong một công trình nghiên cứu về đài thờ Ramayana Trà Kiệu, chúng tôi đã nêu giả thuyết rằng những văn bia của triều vua Prakasadharma có liên quan đến đài thờ này, nên đề xuất đài thờ này có niên đại khoảng giữa thế kỷ thứ 7, khoảng năm 657-687 (Tran 2000: 54-7; 2002b: 94-103). Vì thủ pháp tạo hình của hai đài thờ Ramayana Trà Kiệu và Mỹ Sơn E1 rất khác nhau nên chúng tôi đã đề xuất cho hai tác phẩm thuộc hai phong cách nghệ thuật khác nhau. Trong bối cảnh này, dựa vào những yếu tố như hình người, các chi tiết kiến trúc và đặt nó trong khung niên đại của những tác phẩm có cùng một phẩm tính nghệ thuật đã tìm thấy ở Đồng Nam Á đương thời, chúng tôi muốn xác định niên đại của đài thờ Mỹ Sơn E1 là thuộc nửa đầu thế kỷ thứ 8.
- (11) Trong điều khắc Chăm, cho đến nay mới chỉ tìm thấy ba bức phù điêu/mi của có nội dung Visnu Anatasayin (sinh hạ Brahma). Bức thứ hai, tìm thấy tại di tích Phú Thọ, tọa lạc trên một ngọn đồi thấp bên cạnh thành Cổ Lũy ở bờ phía nam cửa biển Sa Kỳ, thuộc tỉnh Quảng Ngãi, cách Mỹ Sơn khoảng chừng 100km về phía nam, hiện trưng bày tại Bảo tàng Điều khắc Chăm Đà Nẵng [ký hiệu: 17.4] (AFAO-EFEO: 98). Trên bức mi của Phú Thọ, Visnu được thể hiện có bốn tay và có hai người hầu cận giữ lấy cuống sen trên sóng nước. Mặt đầu được diễn tả cùng một chủ đề nhưng căn cứ trên bố cục, thủ pháp tạo hình và chi tiết thể hiện rất khác nhau giữa hai bức chạm, chẳng hạn y phục, mũ đội,

đồ trang sức của Visnu, người hộ vệ v.v... cho đến hoa văn trang trí như hình sóng nước, hình hoa, đường viền..., có thể nhận định rằng chúng có hai niên đại khác nhau, mi của Mỹ Sơn E1 phải thuộc về một giai đoạn sớm hơn. Bức thứ ba tìm thấy tại Mỹ Xuyên, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, cách Mỹ Sơn khoảng hơn 200km về hướng bắc, cũng là một mi của nhưng có bố cục tiêu biểu của một *tympa*n hình vòng cung/chữ U ngược, theo hình vẽ của Parmentier (1909: 516-17; 1918: 423, fig. 125), Visnu trong tư thế nằm, có bốn tay, y phục là một loại sa rông có vạt sau dài, trang trí hình sóng nước xen lẫn hình cá; Brahma ngồi xếp bàn trên một tòa sen ngay giữa bức chạm. Dựa theo bố cục mà xét, thì bức *tympa*n Mỹ Xuyên phải có niên đại muộn hơn rất nhiều, vì kiểu thức *tympa*n có hình vòng cung/chữ U ngược thường xuất hiện trong kiến trúc và nghệ thuật Chiêm Thành vào thế kỷ thứ 10.

- (12) Sau khi phân tích chi tiết những sự khác biệt giữa mi của Mỹ Sơn E1 và các mi của nghệ thuật Tiên-Angkor, và nêu lên sự gắn gũi đặc biệt về yếu tố đại dương của chủ đề thần thoại Visnu Anatasayin được thể hiện trên các mi của này với các cư dân hàng hải, Southworth đã cho rằng có thể mi của của Tuol Baset đã chịu ảnh hưởng của mi của Mỹ Sơn E1 trong bối cảnh của những mối quan hệ giữa Campuchia và Chiêm Thành vào khoảng từ giữa thế kỷ thứ 7 trở đi (Southworth 2001: 148-49, note 3). Đây là một ý tưởng rất đáng được tham khảo.
- (13) Vào một niên đại muộn hơn, khoảng cuối thế kỷ thứ 8 hoặc đầu thế kỷ thứ 9, Garuda có mặt người lại xuất hiện trên một *tympa*n có chủ đề “*Lễ rước cưới Siva-Parvati*” ở Ưu Đàm (Thừa Thiên Huế). Trong bức chạm này, Garuda được thể hiện đang cõng Visnu trên lưng; chim thần có đôi cánh với lông xoắn chi tiết, mặt người với cái mũi tròn to, đôi mắt lồi, hai má bạnh, miệng rộng, mặt ngắn (Parmentier 1909: 518-19, Fig. 120; Trần 2003: [3] 55-6). Như vậy, có thể nhận xét rằng, hình tượng Garuda có mặt người được ưa thích như một truyền thống trong nền điêu khắc Chiêm Thành, vì nó không chỉ xuất hiện trong một giai đoạn ngắn hoặc chỉ là một hình tượng được vay mượn từ các nền nghệ thuật bên ngoài. Tuy nhiên, vào khoảng giữa thế kỷ thứ 9 thì hình tượng Garuda xuất hiện trên *cornich* của tháp Hòa Lai (tháp Bắc, mặt đông) đều có mỏ chim to và nhọn.
- (14) Vì ngôi đền Mỹ Sơn E1 là một ngôi đền có tường gạch rất thấp, có bốn trụ gỗ và mái ngói, nên chúng tôi suy luận rằng hai trụ cửa tròn và tấm lanh tô bằng sa thạch của ngôi đền phải được chống đỡ bằng một bộ khung cửa bằng gỗ rất dày mà nay đã bị mục nát không lưu lại vết tích gì trên mặt đất, ngoại trừ khả năng tìm thấy chứng cứ của chúng trong các cuộc khai quật khảo cổ học trong tương lai. Những bộ khung cửa này thường xuất hiện trong kiến trúc Chăm vào giai đoạn muộn hơn và được chế tác bằng sa thạch, hiện còn thấy phổ biến tại Mỹ Sơn.
- (15) Ngôi đền đầu tiên của Mỹ Sơn được dựng dưới triều vua Bhadravarman (380-413), bằng gỗ, vào cuối thế kỷ thứ 4-5, thờ *linga* của Bhadresvara (Bhadravarman + Ishvara = Bhadresvara). Ngôi đền này đã bị cháy vào khoảng hai thế kỷ sau, dưới triều vua Sambhuvarman (Majumdar 1985: III, no. 7, 9-13).
- (16) Để tìm hiểu về hình dạng nguyên thủy của ngôi đền Mỹ Sơn E1, có thể tham khảo cấu trúc của hai ngôi đền thuộc di tích Sambor Prei Kuk của nghệ thuật Khmer, Campuchia, đó là ngôi đền N17 và S2, hai ngôi đền nhỏ này cũng có đế tháp bằng sa thạch mà phong cách thể hiện tương tự đài thờ Mỹ Sơn E1. Tại Sambor Prei Kuk, N17 và S2 là hai kiến trúc tiêu biểu cho những công trình nhỏ được dựng vào thời kỳ đầu của di tích này, dĩ nhiên, cả hai đều đã được trùng tu lại vào các thời kỳ sau (Tran 1995-99: vol.1, 294-321; vol. 2, 47-64) (Minh họa số 4).
- (17) Việc sử dụng ngói trong các công trình kiến trúc ở Mỹ Sơn có thể tham khảo cấu trúc của những ngôi tháp bày nghi lễ/*mandapa* như D1 hoặc D2, mặc dù những công trình này không phải là đền thờ nhưng chúng là những chứng minh cho việc sử dụng ngói trong kiến trúc đền-tháp Chiêm Thành; cũng có thể tham khảo số lượng rất lớn ngói ống đã tìm thấy trong các cuộc khai quật khảo cổ học tại Trà Kiệu trong những năm vừa qua (Southworth 2004: 213-16).

- (18) Chúng ta có thể dễ dàng hình dung được là ngôi đền Mỹ Sơn E1 sau khi trùng tu có nền cao, tường thấp, bốn trụ gỗ tròn/vuông đặt ở bốn góc tháp để đỡ lấy một bộ sườn gỗ và mái bằng ngói như chúng tôi đã trình bày ở trên. Về hình dáng của ngôi đền gỗ này, có thể tham khảo với cấu trúc của bộ khung gỗ trong chánh điện của ngôi đền Po Kloong Garai và Po Rame ở tỉnh Ninh Thuận hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Acharya, P. K. 1996. *Hindu architecture in India and Abroad*. New Delhi: Munshiram Manoharlal Publishers.
2. Acharya, P. K. 1995. *A Dictionary of Hindu Architecture*. New Delhi: Munshiram Manoharlal Publishers.
3. AFAO-EFEO/Association Francaise des Amis de l'Orient and Ecole Francaise d'Extreme-Orient (editors). 1997. *Le Musée de Sculpture Cam de Da Nang*. Paris: Editions de l'AFAO.
4. Aung, Thaw. 1968. *Report on the excavations at Beikthano*. Rangoon: Revolution Government of the Union of Burma, Ministry of Union Culture.
5. Bulletin d'Ecole Française d'Extreme-Orient (BEFEO). 1930. Chronique, *BEFEO*, XXX, 1930, p. 525. Hanoi: EFEO.
6. Bénisti, Mireille. 1974. "Recherches sur le premier art Khmer: VI. Linteaux inédits et linteaux méconnus", *Arts Asiatiques*, Tome XXX, 1974, pp. 131-72. Paris: Annales du Musée Guimet et du Musée Cernuschi.
7. Bénisti, Mireille. 1969. "Recherches sur le premier art Khmer. II. "La bande à chatons", critère chronologique?", *Arts Asiatiques*, Tome XX, 1969, pp. 99-120. Paris: Annales du Musée Guimet et du Musée Cernuschi.
8. Boisselier, Jean. 1997. "L'Art du Champa". In *Le Musée de Sculpture Cam de Da Nang* (eds. AFAO-EFEO). Paris: Editions de l'AFAO, pp. 57-89.
9. Boisselier, Jean. 1969. "Recherches archeologiques en Thaïlande. II. Rapport sommaire de la Mission 1965 (26 juillet-28 novembre)", *Arts Asiatiques*, Tome XX, 1969, pp. 47-98. Paris: Annales du Musée Guimet et du Musée Cernuschi.
10. Boisselier, Jean. 1963. *La Statuaire du Champa: recherches sur les cultes et l'iconographie*. Paris: E.F.E.O. (Publications de l'Ecole Francaise d'Extreme- Orient 54).
11. Boisselier, Jean. 1956. "Arts du Champa et du Cambodge préangkorien. La date de Mi-So'n E-1", *Artibus Asiae*, Vol. XIX, 3/4, 1956, pp. 197-212. Switzerland: Ascona.
12. Brown, Robert. 1996. *The Dvaravati wheels of the law and the Indianization of South East Asia*. Leiden: Brill. (Jan Fontein, editor, Studies in Asian art and archaeology XVIII).
13. Chihara, Daigoro. 1996. *Hindu-Buddhist architecture in Southeast Asia*. Leiden: Brill. (Jan Fontein, editor, Studies in Asian art and archaeology XIX).
14. Claeys, Jean-Yves. 1928. "Fouilles de Trà -Kiệu", *BEFEO*, XVIII, 1928, pp. 578-93. Hanoi: Ecole Francaise d'Extreme-Orient.
15. Claeys, Jean-Yves. 1927. "Fouilles de Trà -Kiệu", *BEFEO*, XVII, 1927, pp. 468-82. Hanoi: Ecole Francaise d'Extreme- Orient.
16. Dumarcay, Jacques. 2003. *Architecture and its models in Southeast Asia*. Bangkok: Orchid Press.
17. Le Bonheur, Albert. 1994. "L'art du Champa". In *L'art de l'Asie du Sud-Est* (ed. Lucien Mazenod). Paris: Citadelles & Mazenod, pp. 253-77.
18. Majumdar, R. C. 1985. *Champa: history and culture of an Indian colonial kingdom in the Far East 2th -16th centuries AD*. Dehli: Gian Publ. House (reprint).
19. Maxwell, T. S. 2003. "The Analysis of Cham and Khmer Sanskrit Temple Inscriptions". In *Sanskrit in Southeast Asia: The Harmonizing Factor of Cultures* (eds. International Sanskrit Conference, May 21-23, 2001, Bangkok, Thailand, Sanskrit Studies Center and Department of Oriental Languages, Silpakorn University). Bangkok: Sanskrit Studies Centre, pp. 434-74.
20. Nakamura, Rie. 1999. *Cham in Vietnam: Dynamics of Ethnicity* (Ph.D. dissertation). University of Washington: Department of Anthropology.

21. Parmentier, Henri. 1948. *L'Art architectural Hindou dans l'Inde et en Extreme-Orient*. Paris: Van Oest.
22. Parmentier, Henri. 1918. *Inventaire descriptif des monuments Chams de l'Annam: vol. I. Description des monuments. Vol. II. Étude de l'art Cam*. Paris: Leroux (Publications de l'Ecole Française d'Extrême-Orient 11).
23. Parmentier, Henri. 1909. *Inventaire descriptif des monuments Chams de l'Annam: Vol. I. Description des monuments*. Paris: Leroux (Publications de l'Ecole Française d'Extrême-Orient 11).
24. Parmentier, Henri. 1904. "Les monuments du cirque de Mi-Son", *BEFEO*, IV, 1904, pp. 805-896. Hanoi: L'Ecole Française d'Extrême-Orient.
25. Shige-eda, Yutaka and Shiro Momoki (editors). 1994. *Artifacts and Culture of Champa Kingdom*. Tokyo: The Toyota Foundation. (Tiếng Nhật)
26. Shige-eda, Yutaka. 2001. "Betonamu no Kenchiku" (Kiến trúc Việt Nam). In *New History Of World Art, Toonan Asia* (ed. T. Koezuka). Tokyo: Shogakukan, pp. 100-07. (Tiếng Nhật).
27. Soubert, Son. 2003. "The Khmer and Cham, each character in culture and art: relation between Khmer and Cam arts", *Seminar on: "HOL", the Art of Cambodian Textile*, organized by the Institute of Khmer Traditional Textile with the Collaboration of the Center for Khmer Studies, Vat Damnak, Siem Reap, December 12-13, 2003. www.khmerstudies.org
28. Southworth, William. 2004. "The coastal states of Champa". In *Southeast Asia from prehistory to history* (eds. Ian Glover and Peter Bellwood). London and New York: Routledge Curzon, pp. 209-33.
29. Southworth, William. 2001. *The Origins of Campa in Central Vietnam: A Preliminary View* (PhD dissertation). London: School of Orient and African Studies (SOAS), University of London.
30. Stern, Philippe. 1942. *L'art du Champà et son évolution*. Paris: Publication du Musée Guimet.
31. Tranet, Michel. 1995-1999. *Sambor Prei Kuk, Monuments d'Icanavarma (615-628), vols. 1(1995-96); 2(1996-97); 3(1998-99)*. Travail d'Inventaire Finance par La Fondation Toyota.
32. Trần Kỳ Phương, Oyama Akiko, Shine Toshihiko (editors). 2005. *Nhà Trưng Bày Mỹ Sơn, Việt Nam*. Product of Open Research Center Project. Tokyo: Nihon University.
33. Trần Kỳ Phương và Rie Nakamura. 2006. "Thánh đô Mỹ Sơn và Pô Nagar Nha Trang: Tham khảo về tín ngưỡng vũ trụ lưỡng hợp-lưỡng phân của vương quốc Chiêm Thành", *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, Số 2 (55), 2006, pp. 50-61. Huế: Sở Khoa học và Công nghệ Thừa Thiên Huế.
34. Tran, Ky Phuong and Shige-eda Yutaka. 1997. *Champa Iseki [Di tích Chiêm Thành]*. Tokyo: Rengoo Shuppan. (Tiếng Nhật).
35. Trần Kỳ Phương and Vũ Hữu Minh. 2003. "Cửa Đại Chiêm (Port of Great Champa) in the 4th-15th Centuries". In *Ancient Town of Hoi An* (eds. The National Committee for The International Symposium on The Ancient Town of Hoi An held in Danang on 22nd-23rd March 1990). Hanoi: Thế giới Publishers, pp. 105-10. (Reprinted from the first edition in 1991).
36. Tran, Ky Phuong. 2008. "The relationship between Architecture and Sculpture in Cham Sacred Art of the Seventh to the Ninth Centuries CE". In *Interpreting Southeast Asia's Past: Monument, Image and Text* (eds. Alisabeth Bacus, Ian Glover & Peter Sharrock). Singapore: NUS Press, pp. 55-72.
37. Tran, Ky Phuong. 2006. "Cultural Resource and Heritage Issues of Historic Champa States in Vietnam: Champa Origins, Reconfirmed Nomenclatures, and Preservation of Sites". *ARI Working Paper, No. 75, September 2006*. www.ari.nus.edu.sg/pub/wps.htm
38. Tran, Ky Phuong. 2005. "Recherche sur le temple de Mỹ Sơn E1: Nouvelles données sur le réemploi d'élément de décor architectural dans un temple hindou du Champà". In *Trésors d'art du Vietnam, la sculpture du Champà, V-XV siècles (Catalogue)* (eds. Pierre Baptiste & Thierry Zéphir). Paris: Guimet Musée National des Arts Asiatiques, pp. 132-39.
39. Tran, Ky Phuong. 2004a. *Vestiges of Champa Civilization*. Hanoi: Thế Giới Publishers.
40. Trần Kỳ Phương. 2004b. "Bước đầu tìm hiểu về địa-lịch sử của vương quốc Champà (Chiêm Thành) ở miền Trung Việt Nam: với tham chiếu đặc biệt vào 'hệ thống trao đổi ven sông' của lưu vực sông Thu Bồn, Quảng Nam", *Thông tin Khoa học*, Tháng 3/2004,

- pp. 41-61. Huế: Phân viện Nghiên cứu Văn hóa-Nghệ thuật tại thành phố Huế.
41. Trần Kỳ Phương. 2003. "Di tích mỹ thuật Champa ở Thừa Thiên Huế", Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, Số 3 (41), 2003, pp. 51-60; Số 4-5 (42-43), 2003, pp. 110-20. Huế: Sở Khoa học và Công nghệ Thừa Thiên-Huế.
 42. Trần Kỳ Phương. 2002a. "Thánh địa Mỹ Sơn: tín ngưỡng, nghệ thuật và vấn đề bảo tồn", *Nghiên cứu Huế*, Tập 3, 2002, pp. 105-20. Huế: Trung tâm Nghiên cứu Huế.
 43. Trần Kỳ Phương. 2002b. "Lễ cưới Sita một chủ đề của sử thi Ramayana được thể hiện trên đài thờ Trà Kiệu", *Nghiên cứu Huế*, Tập 4, 2002, pp. 94-103. Huế: Trung tâm Nghiên cứu Huế.
 44. Tran, Ky Phuong. 2000. "The wedding of Sita: a theme from the Ramayana represented on the Tra Kieu pedestal". In *Narrative Sculpture and Literary Traditions in South and Southeast Asia*. (ed. by M. J. Klokke). Leiden-Boston-Koln: Brill, pp. 51-8.
 45. Trần Kỳ Phương. 1988. *Mỹ Sơn trong lịch sử nghệ thuật Chăm*. Đà Nẵng: Nxb Đà Nẵng.
 46. Trần Kỳ Phương. 1985. "Những liên hệ giữa nghệ thuật Chăm và nghệ thuật Môn-Dvaravati qua đài thờ Mỹ Sơn E1". Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1984*. Hà Nội: Viện Khảo cổ học, pp. 228-29.
 47. Woodward, Hiram. 2003. *The art and architecture of Thailand, from prehistoric times through the thirteenth century*. Leiden-Boston: Brill.

TÓM TẮT

Trong bài này tác giả chứng minh có hai giai đoạn sử dụng của đài thờ Mỹ Sơn E1. Thuở ban đầu, đài thờ Mỹ Sơn E1 chính là một đế tháp bằng sa thạch để dựng một ngôi đền bằng gỗ có kích thước nhỏ. Đây là một ngôi đền mà nội điện của nó là một không gian mở để bày một bàn thờ *yonī-linga* gắn trực tiếp vào đế tháp. Về sau, ngôi đền này được nới rộng. Trong khi trùng tu, đế-tháp bằng sa thạch của ngôi đền Mỹ Sơn E1 nguyên thủy đã được cải tạo thành một đài thờ cũng để dựng một bộ *yonī-linga* tại nội điện mở của ngôi đền.

Nghiên cứu này góp phần tiếp cận với những kiến trúc Ấn Độ giáo (Hindu) của nghệ thuật Chăm Thành vào thời kỳ đầu, cung cấp những nhận thức mới về tiến trình xây dựng đền-tháp trong thế kỷ thứ 7 và thứ 8.

ABSTRACT

A STUDY ON THE MỸ SƠN E1 TEMPLE: NEW EVIDENCES ON THE RE-USE OF THE ARCHITECTURAL ELEMENTS IN A HINDU TEMPLE - TO LEARN ABOUT THE PROCESSING OF THE ARCHITECTURE OF THE CHĂM TEMPLE-TOWERS DURING THE EARLY PERIOD IN THE 7th AND 8th CENTURIES

In this paper, the author argues that there were two periods of the Mỹ Sơn E1 pedestal. Originally, the pedestal was a sandstone foundation-base of a small wooden temple; this was an open-air temple housing a *yonī-linga* set. Later this temple was restored and enlarged; during this rebuilding and enlargement the former sandstone foundation-base of the temple was converted into an icon pedestal base inside the Mỹ Sơn E1 temple.

This study deals with the approach to the early Hindu architecture of Champa arts, providing the new insights into the processing of the structure of temple-towers during the early period in the 7th and 8th centuries.